

TỜ TRÌNH TÍN DỤNG KHDN

A. THÔNG TIN CHUNG

Mục đích Tờ trình tín dụng:

- ☒ Cấp tín dụng mới
- ☐ Tái cấp tín dụng
- ☐ Cấp tăng hạn mức

Theo các hình thức:

<input checked="" type="checkbox"/> Cấp hạn mức (HM) vay vốn	
<input type="checkbox"/> Cho vay theo món ngắn hạn	
<input type="checkbox"/> Cho vay theo món trung dài hạn	

B. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

Thông tin chung về Khách hàng (KH):

CÔNG TY CỔ PHẦN VIMC LOGISTICS (VLG)

Địa chỉ: Tầng 4, tòa nhà Ocean Park, số 1 Đào Duy Anh, phường Phương Mai, quận Đống Đa, TP.Hà Nội

Số điện thoại: 04-35772047/48

Email: info@vimclogistics.vn

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh xuất nhập khẩu hàng hóa, môi giới thương mại, đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa; Vận tải đa phương thức

Tóm tắt thông tin tài chính:

Dựa trên bảng chỉ số tài chính tổng hợp này, tôi có thể đưa ra một số nhận định và phân tích như sau:

1. Tăng trưởng doanh thu và tài sản:

- Tổng doanh thu tăng đều qua các quý, từ 420 tỷ đồng ở Q2/2024 lên 601 tỷ đồng ở Q1/2025.
- Tổng tài sản cũng tăng từ 212 nghìn tỷ đồng lên 236 nghìn tỷ đồng.

2. Biến động lợi nhuận:

- Lợi nhuận sau thuế biến động mạnh, đặc biệt là sự sụt giảm đáng kể trong Q4/2024 (-38 tỷ đồng).
- Biên lợi nhuận cũng giảm mạnh từ 33.05% ở Q3/2024 xuống -6.12% ở Q4/2024, sau đó phục hồi nhẹ lên 1.86% ở Q1/2025.

3. Hiệu quả sử dụng vốn và tài sản:

- ROE và ROA đều giảm mạnh trong Q4/2024, phản ánh hiệu quả sử dụng vốn và tài sản kém trong quý này.
- Hiệu suất sử dụng tài sản tăng từ 19.84% lên 25.45%, cho thấy công ty đang cải thiện việc sử dụng tài sản.

4. Cơ cấu vốn và nợ:

- Tỷ lệ nợ tăng nhẹ từ 21.16% lên 24.44%, cho thấy công ty đang tăng cường sử dụng đòn bẩy tài chính.
- Tỷ lệ vốn chủ sở hữu giảm nhẹ từ 78.84% xuống 75.56%, nhưng vẫn ở mức an toàn.

5. Khả năng thanh toán:

- Hệ số thanh toán hiện hành giảm từ 324.45 xuống 298.68, nhưng vẫn ở mức rất cao, cho thấy khả năng thanh toán ngắn hạn tốt.

Nhận xét chung:

Công ty đang trải qua giai đoạn tăng trưởng về quy mô nhưng gặp khó khăn về lợi nhuận, đặc biệt là trong Q4/2024. Tuy nhiên, các chỉ số về cơ cấu vốn và khả năng thanh toán vẫn ở mức tốt. Cần theo dõi sát sao việc cải thiện hiệu quả hoạt động và khả năng sinh lời trong các quý tiếp theo.

Bảng Chỉ số Tài chính (Tổng hợp)				
	Q2/2024	Q3/2024	Q4/2024	Q1/2025
Tổng tài sản cuối quý	212146243168.0	227375689868.0	229773312284.0	236156479630.0
Lợi nhuận sau thuế	10588556972.0	13875548792.0	-3809126900.0	1116027647.0
Lợi nhuận gộp	2283265819.0	1791245409.0	2114408986.0	2304572679.0
Tổng doanh thu	42083671325.0	41977528911.0	62287700880.0	60107916752.0
Tổng tài sản	212146243168.0	227375689868.0	229773312284.0	236156479630.0
Tổng nợ	44883639493.0	46237537401.0	52444286717.0	57711426416.0
Giá vốn hàng bán	39800405506.0	40186283502.0	60173291894.0	57803344073.0
Lợi nhuận tài chính	189638689.0	834803115.0	617879595.0	622690374.0
Lợi nhuận trước thuế	13259726458.0	17204922944.0	-513742519.0	1402037633.0
Tổng tài sản lưu động ngắn hạn	145623535885.0	162255806260.0	164800586261.0	172374527886.0
Nợ ngắn hạn	44883639493.0	46237537401.0	52444286717.0	57711426416.0
Vốn chủ sở hữu	167262603675.0	181138152467.0	177329025567.0	178445053214.0
Biên lợi nhuận	25.16	33.05	-6.12	1.86
Tỷ suất sinh lời vốn chủ (ROE)	6.33	7.66	-2.15	0.63
Hiệu suất sử dụng tài sản	19.84	18.46	27.11	25.45
Tỷ lệ vốn chủ sở hữu	78.84	79.66	77.18	75.56
Tỷ lệ nợ	21.16	20.34	22.82	24.44
Hệ số thanh toán hiện hành	324.45	350.92	314.24	298.68
Biên LN gộp	5.43	4.27	3.39	3.83
Tỷ suất sinh lời tài sản (ROA)	4.99	6.1	-1.66	0.47
ROCE - Hiệu quả sử dụng vốn	7.93	9.5	-0.29	0.79
Tỷ suất sinh lời doanh thu (ROS)	25.16	33.05	-6.12	1.86

Tín dụng đã cấp cho khách hàng:

Thông tin tín dụng đã cấp và lịch sử quan hệ tín dụng tại Ngân hàng						
	Số tiền cấp	Dư nợ	Còn được giải ngân	Đồng tiền	Thời hạn	TSBD
HM vay vốn	20,076,248,727,387			VNĐ	18/04/2023-18/04/2024	Loại TSBD: Giá trị TSBD: Tỷ lệ Cấp TD/TSBD
HML/C						
HM bảo lãnh						
Vay món ngắn hạn						
Vay món TDH						
...						
Tổng HMTD	20,076,248,727,387			VNĐ	18/04/2023-18/04/2024	
Thông tin lịch sử quan hệ tài khoản tại Ngân hàng						
Quan hệ tín dụng từ		.../...		Quan hệ tài khoản từ		.../...
Đánh giá tính tuân thủ các điều kiện:						

C. ĐÁNH GIÁ THÔNG TIN KHÁCH HÀNG

1. Đánh giá thông tin pháp lý và bộ máy tổ chức của doanh nghiệp (BCTN):

VIMC Logistics tiền thân là Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam, được đổi tên theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 24/05/2021. Công ty có cổ đông nắm cổ phần chi phối là Tổng công ty Hàng Hải Việt Nam.

Công ty hoạt động chính trong ba lĩnh vực: kinh doanh vận tải đa phương thức (đường bộ, đường sắt, đường biển và đường hàng không), dịch vụ tạm nhập tái xuất và kho ngoại quan.

2. Cấu trúc Công Ty:

Cơ cấu quản lý của công ty bao gồm:

Hội đồng quản trị:

- Ông Mai Lê Lợi - Chủ tịch HĐQT
- Bà Dương Thu Hiền - Thành viên HĐQT
- Ông Phan Nhân Hải - Thành viên HĐQT
- Ông Nguyễn Quốc Cường - Thành viên HĐQT
- Bà Đinh Thị Việt Hà - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Ban điều hành:

- Bà Vũ Thị Thanh Nhân - Phụ trách quản trị
- Ông Phạm Bá Ngân - Phó Tổng Giám đốc
- Bà Trần Thị Loan - Trưởng phòng Tài chính-Kế toán kiêm Kế toán trưởng

3. Đánh giá sản phẩm, dịch vụ và năng lực sản xuất, phân phối sản phẩm

Công ty cung cấp các dịch vụ chính bao gồm:

- Vận tải đa phương thức
- Vận tải hàng hóa, container
- Vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng
- Dịch vụ logistics tổng hợp
- Dịch vụ xuất nhập khẩu và môi giới thương mại

Điểm mạnh của công ty là khả năng cung cấp giải pháp logistics toàn diện, đáp ứng đa dạng nhu cầu của khách hàng.

4. Đánh giá thị trường (BCTN)

Công ty đang hoạt động trong lĩnh vực logistics và vận tải - một ngành có tiềm năng phát triển lớn tại Việt Nam. Là đơn vị tiên phong trong lĩnh vực vận tải đa phương thức và dịch vụ logistics, công ty luôn nỗ lực mang tới khách hàng chất lượng dịch vụ tốt nhất.

Với việc cung cấp đa dạng các dịch vụ từ vận tải đường bộ, đường sắt, đường biển đến dịch vụ kho bãi và xuất nhập khẩu, công ty có lợi thế cạnh tranh đáng kể trên thị trường.

5. Đánh giá tình hình tài chính

5.1 Thông tin chung về báo cáo tài chính (BCTC):

Theo thông tin từ hệ thống, báo cáo tài chính của công ty chưa được kiểm toán. Các thành phần báo cáo tài chính bao gồm:

- Bảng Cân Đối Kế Toán
- Báo Cáo Kết Quả Kinh Doanh
- Báo Cáo Lưu Chuyển Tiền Tệ
- Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính

5.2 Đánh giá tổng quan về tình hình tài chính của Doanh nghiệp:

Đánh giá chất lượng, độ tin cậy thông tin tài chính:

Phân tích tình hình tài chính qua các quý gần nhất:

1. Doanh thu và lợi nhuận:

- Doanh thu tăng từ Q3/2024 (41.98 tỷ) lên Q4/2024 (62.29 tỷ), sau đó giảm nhẹ trong Q1/2025 (60.11 tỷ)

- Lợi nhuận sau thuế biến động mạnh: từ 13.88 tỷ (Q3/2024) xuống -3.81 tỷ (Q4/2024), phục hồi lên 1.12 tỷ (Q1/2025)

2. Tài sản và nợ:
- Tổng tài sản tăng đều từ 212.15 tỷ lên 236.16 tỷ
 - Nợ tăng từ 44.88 tỷ lên 57.71 tỷ

3. Các chỉ số tài chính:
- Tỷ lệ thanh toán hiện hành duy trì trên 2.9
 - Tỷ lệ nợ dưới 25%
 - ROE giảm từ 7.66% xuống 0.63%

Chart Cơ Cấu Vốn, Cơ Cấu Tài Sản Nợ

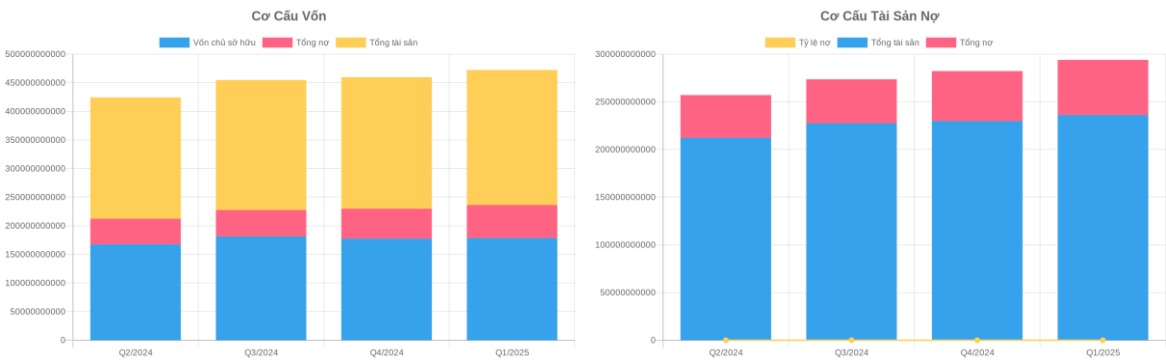
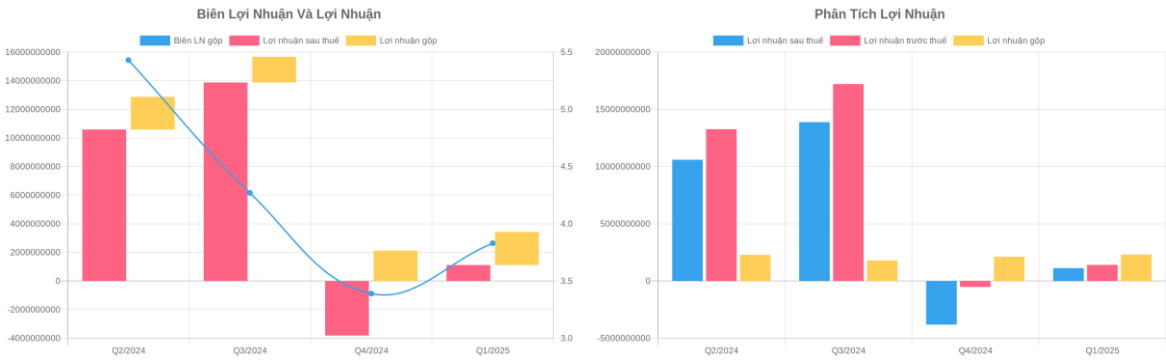
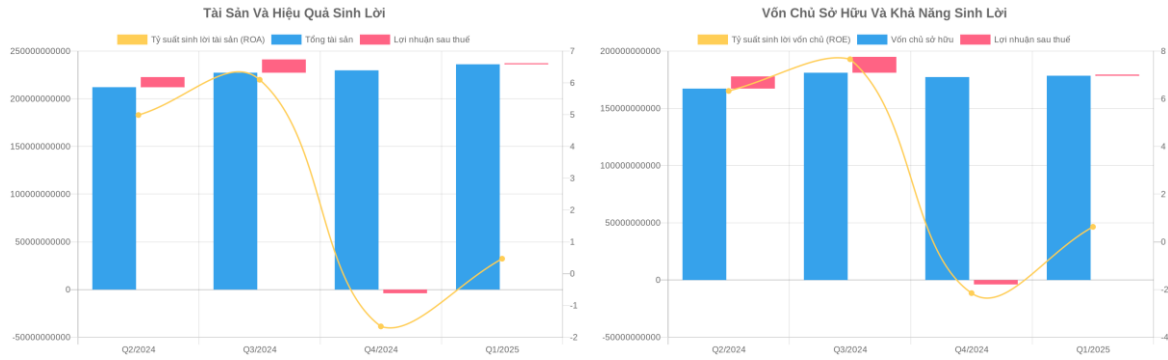


Chart Biên lợi nhuận và lợi nhuận, Phân tích lợi nhuận



Tài sản và hiệu quả sinh lời, Vốn chủ sở hữu và khả năng sinh lời



6. Phân tích Rủi Ro:

Các rủi ro chính được xác định:

1. Rủi ro tài chính:

- Biến động mạnh về lợi nhuận, đặc biệt khoản lỗ trong Q4/2024
- Tỷ suất lợi nhuận gộp giảm dần qua các quý
- Xu hướng tăng của nợ phải trả

2. Rủi ro hoạt động:

- Cạnh tranh gay gắt trong ngành logistics
- Chi phí vận hành có xu hướng tăng
- Phụ thuộc vào biến động của thị trường vận tải

Giải pháp đề xuất:

- Tăng cường kiểm soát chi phí
- Đa dạng hóa dịch vụ và khách hàng
- Duy trì tỷ lệ nợ ở mức an toàn

7. Kết luận:

Dựa trên phân tích tổng thể, có thể đưa ra các nhận định sau:

1. Điểm mạnh:

- Vị thế tốt trong ngành logistics
- Tỷ lệ thanh toán cao
- Cơ cấu tài chính an toàn

2. Điểm yếu:

- Biến động mạnh về lợi nhuận
- Xu hướng giảm của các chỉ số sinh lời

3. Đề xuất:

Công ty có tiềm năng phát triển tốt trong ngành logistics nhưng cần cải thiện hiệu quả hoạt động. Với tình hình tài chính hiện tại, có thể xem xét cấp tín dụng nhưng cần:

- Giới hạn mức cho vay ở mức thận trọng
- Yêu cầu bổ sung tài sản đảm bảo
- Theo dõi chặt chẽ hiệu quả sử dụng vốn